

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2021

V/v: “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TS, TỈNH AN G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông L1 Đạt Thành

2. Ông Nguyễn Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TS, tỉnh An G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TS tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Dáng Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L1 số: 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 139/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp PT, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An G.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L1, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PT, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn L1 do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, có 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 10/3/1994 và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 29/10/2010. Nhưng đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường hay cự cãi, chị đi làm về thì anh L1 hăm dọa đâm chém, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng để duy trì cuộc sống hôn nhân nuôi dạy con cái nhưng anh L1 vẫn không thay đổi. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn L1.

- *Về quan hệ con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 10/3/1994 (đã thành niên) và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 29/10/2010. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng S, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Không có.

* *Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn L1*: Trong quá trình thụ L1 vụ án và hòa giải, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đương sự đến lần thứ hai nhưng anh L1 không gửi văn bản ghi ý kiến của bản thân, cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L1.

* *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm*: Việc Tòa án tiến hành thụ L1 giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Văn L1. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 29/10/2010 cho chị Nguyễn Thị Kim L chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Nguyễn Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn L1 có địa chỉ tại ấp PT, thị trấn PH, huyện TS, tỉnh An G nên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TS theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có L1 do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn L1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Văn L1 chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức đám cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng về quan điểm sống, anh L1 không chăm lo cho gia đình, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi nên chị L yêu cầu ly hôn anh L1.

Xét thấy, theo Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng....”*. Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: *“Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ L1 và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này...”*. Như vậy, mặc dù chị L và anh L1 đã sống chung với nhau trong một thời gian dài nhưng không đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa chị L và anh L1 là vợ chồng nên việc chị L yêu cầu được ly hôn anh L1 là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh L1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung tên Nguyễn Văn G, sinh ngày 10/3/1994 (đã thành niên) và Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 29/10/2010. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu S, không yêu cầu cấp dưỡng. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai cháu S cũng có nguyện vọng muốn sống cùng chị L. Do vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của cháu S, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu S cho chị L trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục nhưng chị L phải tạo điều kiện cho anh L1 đến thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Lẽ ra, anh L1 không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Tuy nhiên, khi có điều kiện và tình hình thời gian

thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L1 và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Văn L1.

2. Về quan hệ con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 29/10/2010 cho chị Nguyễn Thị Kim L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Nguyễn Văn L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị Kim L phải tạo điều kiện cho anh Nguyễn Văn L1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết anh Nguyễn Văn L1 có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Văn L1 không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Nguyễn Thị Kim L và anh Nguyễn Văn L1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng

(Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008236 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TS, tỉnh An G.

5. Chị Nguyễn Thị Kim L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn L1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An G;
- VKSND huyện TS;
- Chi cục THADS huyện TS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm